DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-VPĐKĐĐ, ngày / 04 / 2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Lê Thị Ngâu	K 068070	1/7/1998	Xã Đoàn Kết	39	7a	990	ONT+Vườn	
2	Trần Thị Long	AH 010248	1/19/2007	Xã Kroong	194	3	295	ONT+HNK	
3	Lương Thị Nga	Q 291335	11/18/1999	Xã Hòa Bình	2	30	6069	HNK	
4	Võ Thị Thúy	CM 765304	2/2/2018	Phường Nguyễn Trãi	73	43	118.6	ODT+HNK	
5	Hoàng Minh Phú- Nguyễn Thị Phương	BA 253000	1/19/2010	Xã Vinh Quang	278	14	172.2	ONT+HNK	
6	Nguyễn Khắc Ban- Chu Thị Thu Hương	AM 477055	3/31/2008	Phường Duy Tân	158	47	147	ODT	
7	Lương Thị Bạch Lê	DA 619306	5/26/2021	Xã Hòa Bình	98	35	5589	ONT+HNK	
8	Chế Thị Mai- Tô Xuân Tụng	CU 200790	1/20/2020	Xã Đăk Cấm	1911	46	126.5	ONT+HNK	
9	Chế Thị Mai- Tô Xuân Tụng	CU 200791	1/20/2020	Xã Đăk Cấm	1912	46	113.5	HNK	
10	Trần Khải Hoàng- Huỳnh Trang Mai Ly	DD 815669	12/1/2021	Xã Vinh Quang	1228	35	859.7	ONT+HNK	
11	Phan Văn Thành- Lê Thị Yến Tâm	CQ 919085	4/23/2019	Phường Thắng Lợi	60	68	100	ODT	

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
12	Nguyễn Thị Thúy Hiền	CQ 917827	5/17/2019	Xã Vinh Quang	794	39	108.4	ONT+HNK	
13	Võ Thị Mỹ Trang	CQ 917768	5/21/2019	Xã Vinh Quang	795	39	92.9	ONT+HNK	
14	Lê Thị Hiệu - Hoàng Xuân Hạnh	AB 148418	1/31/2005	Phường Quang Trung	4	56	815.3	ODT	
15	Nguyễn Văn Sáng- Nguyễn Thị Phúc	AC 924751	1/25/2006	Phường Trần Hưng Đạo	54	5	754	HNK	
16	Nguyễn Văn Ninh	T 888277	11/12/2001	Xã Đắk Cấm	91	6	7084	ONT+Vườn	
17	Phạm Văn Hà	BC 689484	9/20/2010	Phường Thống Nhất	64	23	241.9	ODT	
18	Huỳnh Văn Chung	C 415181	10/13/1994	Xã Chư Hreng	227	3	347	ONT	
19	Nguyễn Quang Lộc-Phan Thị Ly Lan	BA 252145	12/26/2009	Phường Trần Hưng Đạo	6	56	420	ODT+HNK	
20	Lương Thị Vũ Kiều	DD 957726	12/15/2021	Phường Ngô Mây	212	42	202	HNK	
21	Phạm Huy Tưởng	AĐ 955952	9/12/2006	Phường Quang Trung	131	57	215.6	ODT	
22	Nguyễn Thanh Tiễn	Q 241436	11/18/1999	Xã Hòa Bình	40	47	5000	CLN	
23	Nguyễn Thị Mỹ Linh	AN 334586	9/10/2008	Phường Ngô Mây	92	7	568.3	KTV	
24	Nguyễn Ngọc Yên	X 269956	12/4/2003	Thắng Lợi	27	60	1297.7	T+Vườn	
25	Phan Văn Khánh	CT 228403	10/23/2019	Đăk Cấm	941	46	252	ONT+HNK	

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
26	Y Khoẽt	BD 258017	10/14/2010	Chư Hreng	259	9	3000	HNK	
27	Chu Đình Đề	BC 689622	9/23/2010	Đăk Cấm	323	56	384.3	ONT+HNK	
28	Võ Văn Việt- Bùi Thị Hiệp	DD 815105	12/8/2021	Kroong	1793	34	1454	ONT+HNK	
29	Nguyễn Lạc- Lê Thị Mai Trúc	DD 957065	1/15/2022	Đăk Rơ Wa	636	11	198.9	ONT+HNK	
30	Võ Đình Lai- Ngô Thị Hường	BR 184531	7/11/2014	Vinh Quang	156	37	218.3	ONT+HNK	
31	Hộ Lê Mạnh Hùng	AB 606503	3/22/2005	Trần Hưng Đạo	210-1	1	795	ODT+HNK	
32	Nguyễn Thành Quang- Văn Thị Phận	AK 503052	1/14/2008	Ia Chim	229.7	182	23	ONT+HNK	
33	Võ Thanh Minh	CQ 996733	6/18/2019	Duy Tân	237	47	119	ODT	
34	Đinh Văn Minh	AĐ 955897	8/29/2006	Quyêt Thắng	136	8	117	ODT	
35	Nguyễn Thái Sơn- Nguyễn Thị Thanh Thúy	DA 767716	5/14/2021	Hòa Bình	375	19	1854.9	ONT+HNK	
36	Lê Văn Kim	A 132382	5/7/1990	Hòa Bình	109	19	2180	ONT	
37	Hộ A Lir	T 932765	9/26/2001	Đăk Rơ Wa	104	2	4872	T+Vườn	
38	Nguyễn Thế Ngọc- Y Ngan	AN 339619	7/16/2008	Thống Nhất	81	24	181.2	ODT	
39	Y Nhău	BH 515999	11/20/2014	X.Vinh Quang	123	37	2716,5	ONT+HNK	
40	A Myin - Y EI	BR 188843	12/11/2013	X.Đăk Năng	358	21	2126,9	Đất ở +HNK	

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
41	Lê Thị Quý	BH 523995	7/31/2012	P.Lê Lợi	68	46	296	HNK	
42	Phạm Văn Lượng	BĐ 619482	1/22/2011	X.Gia Chim	19	25	449,8	ONT+HNK	
43	Phạm Quốc Dũng	CU 200868	1/9/2020	P.Trần Hưng Đạo	18+41	78	2371,5	ODT+HNK+CLN	
44	Nguyễn Đức Hải - Mai Thị Bích	AB 649757	8/10/2005	P.Quang Trung	26	21	626	ODT+NN	
45	Nguyễn Mạnh Hà	DD 815140	12/9/2021	X.Đăk Blà	312	21	1179,4	CLN	
46	Nguyễn Thị Kỷ	CE 441178	4/25/2017	X.Đăk Blà	549	20	504,5	ONT+HNK	
47	Nguyễn Đình Tâm	Đ 507917	4/29/2004	X.Hòa Bình	22B	9	531	T+V	
48	Đặng Thị Thủy	BC 689050	8/27/2010	Trường Chinh	208	14	673.6	HNK	
49	Nguyễn Văn Phượng- Nguyễn Thị Hồng Lê	BA 233160	1/7/2010	Trường Chinh	20	37	1245.6	HNK	
50	Phạm Văn Châu- Vũ Thị Mai	AC 868123	2/24/2006	Trường Chinh	18	27	185.5	ODT	
51	Nguyễn Đình Văn- Nguyễn Thị Hồng Sâm	CT 091449	11/21/2019	Trường Chinh	37	45	2646.9	HNK	

Trên đây là danh sách đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để quản lý theo quy định./.